|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CƯJUT  **TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG**  Số: /KHGD-MNHH | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    ***Ea T’ling***, ngày 30 tháng 8 năm 2024 |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHO TRẺ TRẺ 4-5 TUỔI**

**NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ vào Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non; **Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;**

Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông V/v ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ngày 08 tháng 8 năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 15/ QĐ-MNHH ngày 29 tháng 7 năm 2024 V/v Phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học **2024- 2025** của Hiệu trưởng Trường mầm non Hoa Hồng và đặc điểm tình hình thực tế của các lớp 4-5 tuổi.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm học 2023-2024, Trường mầm non Hoa Hồng xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học **2024- 2025 cho** trẻ 4-5 tuổi như sau:

**I. MỤC TIÊU**

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 4 đến 5 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học khối Chồi.

**1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

**2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt s

ự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

**3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

**4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

**5. PHÁT TRIỂN THẨM MĨ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

**2. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**  **1. Phát triển vận động:**  **\* Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.** | | |
| 1 | Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp | - Hô hấp: Hít vào, thở ra  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay).  + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  - Chân:  + Nhún chân.  + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.  + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. |
| **\* Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động** | | |
| **2** | Trẻ biết thực hiện một số vận động như: Đi và chạy | - Đi và chạy:  + Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi.  + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.  + Chạy 15m trong khoảng 10 giây.  + Chạy chậm 60 - 80m. |
| **3** | Trẻ biết thực hiện một số vận động như: Bò trườn, chui qua cổng… | - Bò, trườn, trèo:  + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m.  + Bò dích dắc qua 5 điểm.  + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.  + Trườn theo hướng thẳng.  + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.  + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. |
| **4** | Trẻ biết thực hiện một số vận động như: Tung, ném, bắt | - Tung, ném, bắt:  + Tung bóng lên cao và bắt.  + Tung bắt bóng với người đối diện.  + Đập và bắt bóng tại chỗ.  + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.  + Ném trúng đích bằng 1 tay.  + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. |
| 5 | Trẻ biết thực hiện một số vận động như: Bật - nhảy | - Bật - nhảy:  + Bật liên tục về phía trước.  + Bật xa 35 - 40cm.  + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).  + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.  + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.  + Nhảy lò cò 3m |
| **\* Các cử động của của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ** | | |
| **6** | Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động: | - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối...  - Gập giấy.  - Lắp ghép hình.  - Xé, cắt đường thẳng.  - Tô, vẽ hình.  - Cài, cởi cúc, xâu, buộc dây.... |
| **2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ**  **\* Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.** | | |
| **7** | Trẻ biết nói tên được một số món ăn hàng ngày như rau, thịt, cá.  - Thịt, cá.. có nhiều chất đạm.  - Rau, quả chín có nhiều vitamin. | - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).  - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. |
| **8** | Trẻ biết ăn kết hợp nhiều loại thức ăn khác nhau, không kén chọn. | - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). |
| **\* Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | | |
| **9** | Thực hiện được một số việc đơn giản:  - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.  - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. | - Tập đánh răng, lau mặt.  - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. |
| **10** | - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giật nước cho sạch. | - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. |
| **\* Giữ gìn sức khỏe và an toàn** | | |
| **11** | Trẻ có một số thói quen và hành vi tốt trong sinh hoạt. Biết ích lợi của việc giữ gìn sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh khi được hướng dẫn. | - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. |
| **12** | Biết chăm sóc và giữ gìn sức khỏe cho bản thân, biết mặc trang phục phù hợp với thời tiết.  Chấp nhận: vệ sinh răng miệng; đội mũ khi ra nắng; mặc áo ấm, đi  tất khi trời lạnh; đi dép, giày ki đi  học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu | - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. |
| **13** | Biết lựa chọn trang phục phù hợp | - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.  - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. |
| **14** | Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. | - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh đơn giản. |
| **15** | Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn  - Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.  - Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.  - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,...  + Kêu cứu  + Gọi người lớn  +Nhờ bạn gọi người lớn  + Hành động tự bảo vệ  + Biết được tác hại của số việc nguy hiểm  + Biết cách tránh hoặc dùng đồ dùng khác để thay thế nhờ người lớn làm giúp… | - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.  - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. |
| **II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | |
| **1. Khám phá khoa học:** | | |
| **\* Các bộ phận của cơ thể con người** | | |
| **16** | Biết chức năng các giác quan và các bộ phận trên cơ thể | Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. |
| **- Đồ vật**  **+** Đồ dùng, đồ chơi | | |
| **17** | Nhận ra đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi và mối liên hệ | - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.  - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. |
| **18** | Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng; | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.  - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. |
| + Phương tiện giao thông | | |
| **19** | Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau | Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. |
| **- Động vật và thực vật** | | |
| **20** | Biết được môi trường sống đặc điểm nổi bật, sinh sản, thức ăn, sở thích của một số động, thực vật trong thiên nhiên. Quá trình phát triển và điều kiện sống biết bảo vệ chúng. | - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. |
| **21** | Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. |
| **22** | Trẻ có khả phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. | - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. |
| **23** | Trẻ có thể biết thu  thập thông tin bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh, ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận | - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. |
| **24** | Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên; | - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. |
| **- Một số hiện tượng tự nhiên:**  + Thời tiết, mùa | | |
| **25** | Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống; | Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. |
| + Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng | | |
| **26** | Trẻ biết được sự khác nhau giữa ban ngày và ban đêm, biết các buổi trong ngày, biết mặt trời xuất hiện vào ban ngày, mặt trăng xuất hiện vào ban đêm và biết ích lợi của ngày và đêm | Sự khác nhau giữa ngày và đêm. |
| **+** Nước | | |
| **27** | Trẻ nhận biết được sự cần thiết của nước đối với đời sống con người, động, thực vật. Ví dụ: Vì sao cây héo, vì sao lá bị ướt…  Biết tiết kiệm nước và bảo vệ môi trường… | - Các nguồn nước trong môi trường sống.  - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. |
| **28** | Trẻ tìm tòi khám phá các sự vật, hiện tượng về nước đối với con người, con vật và cây… Và nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước như: Xả rác , phân người, động vật, nước thải thảy bừa bãi… biết cách tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước… | - Một số đặc điểm, tính chất của nước.  - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. |
| + Không khí, ánh sáng, | | |
| **29** | Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện về sự vật, hiện tượng về không khí, ánh sáng đối với con người, con vật và cây | Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. |
| + Đất đá, cát, sỏi | | |
| **30** | Thích khám phá các sự vật, hiện tượng tự nhiên | Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. |
| **2. Khám phá xã hội**  **- Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng** | | |
| **31** | Nói đúng họ, tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài như là trai gay gái, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. |
| **32** | Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.  Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)… khi được hỏi, trò chuyện. | - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. |
| **33** | Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.  Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường và họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. |
| **34** | Nhận biết tên, đặc điểm của các bạn, và một số hoạt động như hoạt động vui chơi, hoạt động học, hoạt động ăn, ngủ…. | - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. |
| **- Một số nghề trong xã hội** | | |
| **35** | Nói đặc điểm công cụ tên gọi sản phẩm và sự khác nhau của một số nghề.  Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...” | Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. |
| **- Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.** | | |
| **36** | Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.  Ví dụ nói: “Ngày tết trung thu được bố mẹ cho đi xem múa lân…”; | Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. |
| **2. LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN:**  **- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm** | | |
| **37** | Trẻ có khả năng đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng | Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. |
| **38** | Trẻ có khả năng nhận biết các con số từ 1 - 5 và sử dụng các con số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. | Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 |
| **39** | Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm.  Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.. | - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.  - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. |
| **40** | Trẻ nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày | - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..). |
| **- Xếp tương ứng** | | |
| **41** | Trẻ biết xếp tương ứng 1-1 ghép đôi. | Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi. |
| **- So sánh, sắp xếp theo quy tắc** | | |
| **42** | Trẻ  có khả năng nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. | - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. |
| **Đo lường** | | |
| **43** | Trẻ sử dụng được một dụng cụ để đo và so sánh, nói kết quả | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. |
| **44** | Trẻ sử dụng được một dụng cụ để đong và so sánh, nói kết quả | - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. |
| **- Hình dạng** | | |
| **45** | Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác; vuông và chữ nhật...). Phân  biệt được hình tròn với các hình còn lại | So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật |
| **46** | Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình mới theo ý mình thích | - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. |
| **- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian** | | |
| **47** | Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với bản thân và bạn khác.  Ví dụ: Phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái của mình và của bạn... | - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). |
| **48** | Sử dụng lời nói và hành động, tranh ảnh… để nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. | - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. |
| **III/ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**  **- Nghe** | | |
| **49** | Trẻ nghe và hiểu các từ  như quả ngày ngọt quá; hay bạn nói to quá… | - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. |
| **50** | Thực hiện được 2-3 yêu cầu  liên tiếp. Ví dụ: “Cháu hãy lấy  hình tròn màu đỏ gắn vào bông  hoa màu vàng | - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. |
| **51** | Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ…. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. |
| **52** | Nghe hiểu nội dung câu chuyện | - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. |
| **53** | Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi | - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. |
| **- Nói** | | |
| **54** | Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.  Tăng cường tiếng Việt cho trẻ. | - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. |
| **55** | Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. |
| **56** | Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi đơn giản theo sự hiểu biết. | - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. |
| **57** | Biết chào hỏi lễ phép lịch sự hình thành khả năng giao tiếp.  Sử dụng các từ: vâng ạ, dạ,  thưa,...trong giao tiếp | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. |
| **58** | Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp  Nói đủ nghe, không nói lí nhí | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| **59** | Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. |
| **60** | Trẻ kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định, có mở đầu, kết thúc.; | - Kể lại truyện đã được nghe. |
| **61** | Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. | - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. |
| **62** | Trẻ có thể kể lại nội dung truyện dựa theo câu hỏi và lời thoại của cô | - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. |
| **63** | Bắt chước giọng nói, điệu bộ của  nhân vật trong truyện. | - Đóng kịch. |
| **- Làm quen với đọc, viết** | | |
| **64** | Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm… | - Làm quen với một số ký hiệu thông thư­ờng trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) |
| **65** | Nhận dạng làm quen được một số chữ cái đơn giản trong bảng chữ cái tiếng Việt. | - Nhận dạng một số chữ cái |
| **66** | Trẻ biết tô đường thẳng, đường cong theo chiều từ trái sang phải, tô trùng khít các nét chấm mờ không lệch ra ngoài biết cầm bút,  ngồi đúng tư thế | - Tập tô, tập đồ các nét chữ. |
| **67** | Có một số hành vi như người đọc sách;  Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: |
| **68** | Có một số hành vi như người đọc sách;  Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; | + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dư­ới.  + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. |
| **69** | Trẻ phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). | - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.  - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. |
| **70** | Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách thẳng không làm quăn góc hay nhàu nát… | - Giữ gìn, bảo vệ sách. |
| **IV/ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI**   * **Phát triển tình cảm :**   **+ Ý thức bản thân** | | |
| **71** | Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân.  Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. | - Tên, tuổi, giới tính.  - Sở thích, khả năng của bản thân. |
| **+ Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.** | | |
| **72** | Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ ....  Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè... | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.  - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. |
| **73** | Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)  Trẻ có khả năng thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ | - Kính yêu Bác Hồ.  - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. |
| * **Phát triển kĩ năng xã hội**   **+ Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | | |
| **74** | Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép | - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). |
| **75** | Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;  Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. | - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.  - Chờ đến lượt, hợp tác. |
| **76** | Trẻ thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân  Ví dụ: Biết an ủi động viên khi đau ốm..; Biết chúc mừngvà tặng quà nhân ngày sinh nhật,… | - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. |
| **77** | Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...). | - Quan tâm, giúp đỡ bạn. |
| **78** | Trẻ có khả năng nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường như bẻ cành, bứt hoa. Bỏ rác không đúng nơi quy định… | - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. |
| **+ Quan tâm đến môi trường** | | |
| **79** | Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày như không vứt rác bừa bãi, tiết kiệm điện nước. Chăm sóc các con vật, cây cối gần gũi … | - Tiết kiệm điện, nước.  - Giữ gìn vệ sinh môi trường.  - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. |
| **V/ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ**  **- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật** | | |
| **80** | Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| **- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.** | | |
| **81** | Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ ; thích nghe và kể câu chuyện | - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). |
| **82** | Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình  cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. |
| **83** | Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, phách, múa., gõ nhịp...). | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu |
| **84** | Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. |
| **85** | Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. | - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. |
| **86** | Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. | - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. |
| **- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật**(âm nhạc, tạo hình) | | |
| **87** | Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc | - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. |
| **88** | Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. | - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. |
| **89** | Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản như nguyên vật liệu thiên nhiên, cỏ cây hoa lá, giấy màu, màu sáp, màu nước, … | - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. |
| **90** | Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình, làm gì ? Tạo ra gì?. | - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. |
| **91** | Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình. | - Đặt tên cho sản phẩm của mình. |

**Tổng có 91** **mục tiêu**

**Trong đó**:

Lĩnh vực phát triển thể chất: Từ MT 1 đến MT 15 (có tổng 15 mục tiêu)

Lĩnh vực phát triển nhận thức: Từ MT 16 đến MT 48 (có tổng 36 mục tiêu)

Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: Từ MT 49 đến MT 70 (có tổng 22 mục tiêu)

Lĩnh vực phát triển TC KN XH: Từ MT 71 đến MT 79 (có tổng 9 mục tiêu)

Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: Từ MT 80 đến MT 91 (có tổng 12 mục tiêu)

**\* CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

**I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

***1. Hoạt động chơi***

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.

- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.

- Trò chơi đóng kịch.

- Trò chơi học tập.

- Trò chơi vận động.

- Trò chơi dân gian.

- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

***2. Hoạt động học***

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

***3. Hoạt động lao động***

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà đ­ược sử dụng như­ một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

***4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân***

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

**II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

**2. Theo vị trí không gian, có các hình thức**:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

**3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- Tổ chức hoạt động cả lớp.

**III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

***1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm***

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

***2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)***

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

***3. Nhóm phương pháp dùng lời nói***

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

***4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ***

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

***5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá***

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

**IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

**1. Môi trường vật chất**

*a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp*

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

*b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:*

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây ....

***2. Môi trường xã hội***

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

Trên đây là kế hoạch giáo dục cho trẻ 4-5 tuổi năm học 2024-2025 của Trường mầm non Hoa Hồng.

**\* ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH GD**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\* Phụ trách chuyên môn nhà trường và các thành viên tham gia xây dựng kế hoạch này:

Phó Hiệu trưởng: Bùi Thị Hải Yến

TTCM: Trần Thị Mỹ Aí

GV: Trần Thị Ngọc, Nguyễn Thị Duyên, Phạm Thị Lan.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - CBQL, GV (để thực hiện);  - PGD (để báo cáo)  - Lưu HSCM. | **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Bùi Thị Hải Yến** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CƯJUT  **TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC TRẺ 4-5 TUỔI**

**NĂM HỌC 2024-2025**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần học** | **Thời gian cụ thể** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Các sự kiện và**  **Nội dung lồng ghép** | | |
| **0** | 29/8-30/8/2024  04/9/2024 | Khai giảng năm học mới. | Tựu trường - Ổn định nề nếp | Kỷ niệm 79 năm Ngày Quốc khánh Việt Nam  2/9/1945-2/9/2024 | GD lễ giáo, GD nề nếp, vệ sinh.  GD lòng yêu nước, biết ơn các thế hệ ông cha, GD niềm tự hào Dân tộc |
| **HỌC KỲ I** | | | | | |
| 01 | 05/9 - 6/9/2024 | *Chủ đề 1:*  **Trường mầm non** (04 tuần) | ***Nhánh 1:*** Ngày Hội đến trường của bé | - Ngày Hội đến trường - Mùa thu - Tết trung | GD nề nếp, thói quen vệ sinh…  GD lễ giáo, GD kỹ năng sống cho trẻ.  GD ý thức giữ gìn, bảo quản đồ dùng, đồ chơi |
| 02 | 9-13/9/2024 | ***Nhánh 2:*** Trường mầm non Hoa Hồng của bé |
| 03 | 16-20/9/2024 | ***Nhánh 3:*** **Mùa, thu - Tết trung của bé** |
| 04 | 23-27/9/2024 | ***Nhánh 4:*** Đồ dùng, đồ chơi của bé |
| 05 | 30/9-04/10/2024 | *Chủ đề 2:*  **Bản thân**  (03 tuần) | ***Nhánh 1:*** Bé là ai? | Ngày  Phụ nữ Việt Nam 20/10 | - GD kỹ năng tự phục vụ, chăm sóc, bảo vệ cơ thể, phòng chống xâm hại.  - Biết ơn bà, mẹ, cô giáo |
| 06 | 07-11/10/2024 | ***Nhánh 2:*** Năm giác quan và tác dụng của chúng |
| 07 | 14-18/10/2024 | ***Nhánh 3:*** Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh |
| 08 | 21-25/10/2024 | *Chủ đề 3:*  **Gia đình**  (04 tuần) | ***Nhánh 1:*** Gia đình của bé |  | - GD lễ giáo, tình yêu thương, lòng biết ơn, tinh thần trách nhiệm đối với người thân trong gia đình  - GD phòng chống cháy nổ. |
| 09 | 28/10-01/11/2024 | ***Nhánh 2:*** Ngôi nhà của bé |
| 10 | 04-08/11/2024 | ***Nhánh 3:*** Đồ dùng trong gia đình |
| 11 | 11-15/11/2024 | ***Nhánh 4:*** Nhu cầu gia đình |
| 12 | 18-22/11/2024 | *Chủ đề 4:*  **Nghề nghiệp**  (05 tuần) | ***Nhánh 1:*** Ngày hội của cô | Ngày Nhà giáo Việt Nam;  Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 | - GD lòng biết ơn, trân quý người lao động và sản phẩm lao động  - Kính yêu và biết ơn cô giáo, biết ơn chú bộ đội**,** bác sỹ, y tá…. |
| 13 | 25-29/11/2024 | ***Nhánh 2:*** Công việc của bố mẹ bé |
| 14 | 02-06/12/2024 | ***Nhánh 3:*** Bác sĩ, y tá. |
| 15 | 09-13/12/2024 | ***Nhánh 4:*** Bé thích nghề gì? |
| 16 | 16-20/12/2024 | ***Nhánh 5:*** Bé yêu chú bộ đội |
| 17 | 23-27/12/2024 | *Chủ đề 5:*  **Thế giới thực vật;**  (05 tuần) | ***Nhánh 1:*** Hoa xung quanh bé | - Tết và mùa xuân; | - GD VSATTP, GD lễ giáo, GD kỹ năng sống cho trẻ,  - Giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam |
| 18 | 30-03/1/2025  Thứ 4 ngày 1/1/2025 nghỉ tết dương lịch | ***Nhánh 2:*** Một số loại quả |
| **06/01-17/01/2025: Ôn tập, trải nghiệm** | | | |
| **HỌC KỲ II** | | | |
| 19 | 20- 24/01/2025 |  | ***Nhánh 3:*** Ngày Tết của bé |
| **Nghỉ tết Nguyên Đán Từ ngày 25/01-05/02/2025** | | | |
| 20 | 06-07/02/2025 |  | ***Nhánh 4:*** Hoa quả mùa xuân |
| 21 | 10-14/02//2025 | ***Nhánh 5:*** Một số loại rau, củ, quả |
| 22 | 17-21/02/2025 | *Chủ đề 6:*  **Thế giới động vật**  (04 tuần) | ***Nhánh 1:*** Những con vật nuôi trong gia đình | -Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 | - GD lễ giáo, kỹ năng sống cho trẻ, dinh dưỡng, vệ sinh để phòng chống một số dịch bệnh về động vật  - GD lòng yêu quý động vật  - Biết ơn bà, mẹ và cô … |
| 23 | 24-28/02/2025 | ***Nhánh 2:*** Động vật sống dưới nước |
| 24 | 03/3-07/3/2025 | ***Nhánh 3:*** Động vật sống trong rừng |
| 25 | 10-14/3/2025 | ***Nhánh 4:*** Côn trùng và chim |
| 26 | 17-21/3/2025 | *Chủ đề 7:*  **Giao thông**  (03 tuần) | ***Nhánh 1:*** PTGT đường bộ |  | - GD lễ giáo, GD kỹ năng sống cho trẻ.  - GD ý thức, trách nhiệm khi tham gia giao thông |
| 27 | 24-28/3/2025 | ***Nhánh 2:*** PTGT đường thủy, hàng không |
| 28 | 31/3-04/4/2024 | ***Nhánh 3:*** Một số luật lệ giao thông đường bộ |
| 29 | 08-11/4/2025  (07 nghỉ giỗ tổ Hùng Vương) | *Chủ đề 8:*  **Hiện tượng tự nhiên**  (04 tuần) | ***Nhánh 1:*** Thời tiết, mùa | - Giỗ tổ Hùng Vương  - Kỷ niệm 50 năm ngày Giải Phóng Miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975-30/4/2025 | - GD BVMT, chống rác thải nhựa, biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai;phòng chống đuối nước;tiết kiệm điện nước…  - GD trẻ về ý nghĩa của độc lập, tự do; niềm tự hào dân tộc |
| 30 | 14- 18/4/2025 | ***Nhánh 2:*** Ngày và đêm |
| 31 | 21-25/4/2025 | ***Nhánh 3:*** Sự kỳ diệu của nước |
| 32 | 28/4-02/5/2025  (30/4,01/5nghỉ lễ) | ***Nhánh 4:*** Đất, đá và sỏi |
| 33 | 05-09/5/2025 | *Chủ đề 9:*  **Quê hương, Đất nước, Bác Hồ**  (03 tuần) | ***Nhánh 1:*** Đăk Nông của bé | Kỷ niệm 135 năm ngày sinh Bác Hồ kính yêu 19/5/1890-19/5/2025 | -GD lòng kính yêu Bác Hồ;  - GD kỹ năng sống cho trẻ. |
| 34 | 12-16/5/2025 | ***Nhánh 2:*** Thủ đô Hà Nội |
| 35 | 19 - 23/5/2025 | ***Nhánh 3:*** Bác Hồ kính yêu |

|  |
| --- |
| Học kỳ I: 18 tuần (Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 18 /01/2025) |
| Học kỳ II: 17 tuần (Từ ngày 18/01/2025 đến ngày 23/5/2025 |

Nghỉ tết Nguyên Đán: Từ ngày 25/01/2025 đến ngày 05/02/2025

***Ea T’ling,*** *ngày 30 tháng 8 năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - CBQL, GV (để thực hiện);  - PGD (để báo cáo)  - Lưu HSCM. | **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Bùi Thị Hải Yến** |

**PHÂN BỔ MỤC TIÊU QUA CÁC CHỦ ĐỀ**

**KHỐI CHỒI**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỤC TIÊU** |
| 1/ Trường mầm non (Tổng số 29 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 2, 5, 6, 7, 9, 10 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 17, 18, 33, 34, 37, 38, 41 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 49, 50, 54, 57, 70 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 72, 74, 75, 77 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 80, 81, 83, 84, 87, 89 |
| 2/ Bản thân (Tổng số 29 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 2, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 14 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 16, 31, 37, 38, 39, 41, 47 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 49, 53, 54, 59 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 71, 72, 75 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 80, 83, 84, 87, 89 |
| 3/ Gia đình (Tổng số 27 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 2, 4, 5, 6, 9, 10 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 32, 37, 38, 39, 40, 41 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 52, 54, 55, 58, 59, 60 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 74, 76, 78 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 83, 84, 86, 87, 89 |
| 4/ Nghề nghiệp (Tổng số 25 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 2, 3, 4, 6, 9, 10 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 35, 37, 38, 39 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 52, 54, 58, 60, 62, 63, 65, 66 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 75, 78 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 83, 84, 87, 89 |
| 5/ Thế giới thực vật (Tổng số 29 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 20, 21, 22, 23, 24, 37 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 53, 54, 60, 63, 65, 66 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 79 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89 |
| 6 / Thế giới động vật (Tổng số 30 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 3, 4, 6, 7, 9, 10, 15 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 20, 21, 22, 23, 24, 37, 42 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 51, 54, 56, 61, 63, 68 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 79 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90 |
| 7/ Giao thông (Tổng số 30 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 4, 6, 9, 10, 15 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 19, 45, 46 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 51, 54, 61, 63, 64, 67, 69 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 74, 78 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91 |
| 8/ Hiện tượng tự nhiên (Tổng số 31 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 2, 5, 6, 9, 10, 13 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 25, 26, 27, 28, 29, 30, 43, 44, 48 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 54, 65, 66, 67, 68, 69 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 79 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 82, 83, 84, 85, 87, 88, 89, 90, 91 |
| 9/ Quê hương, Đất nước, Bác Hồ (Tổng số 28 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 2, 5, 6, 9, 10 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 36, 37, 38, 39 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 54, 61, 63, 65, 66, 67, 68, 69 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 73, 78 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 82, 83, 84, 85, 87, 88, 89, 90, 91 |